

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	1/1/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223.181.734.371	210.812.902.391
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18.056.302.856	3.254.895.940
Tiền	111		3.768.902.856	3.254.895.940
Các khoản tương đương tiền	112		14.287.400.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.300.000.000	23.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	13.300.000.000	23.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.452.298.450	115.433.098.308
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	114.998.303.848	108.134.886.242
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.511.458.406	4.712.656.769
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	25.957.357.114	3.226.990.160
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(2.014.820.918)	(641.434.863)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		46.373.133.065	69.124.908.143
Hàng tồn kho	141		46.373.133.065	69.124.908.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.048.193.865	107.722.115.069
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		26.650.199.598	20.218.018.143
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	26.650.199.598	20.218.018.143
Nguyên giá	222		30.464.627.526	23.451.530.569
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.814.427.928)	(3.233.512.426)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	114.900.000.000	86.400.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		114.900.000.000	61.400.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	25.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		497.994.267	1.104.096.926
Chi phí trả trước dài hạn	261		497.994.267	1.104.096.926
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		365.229.928.236	318.535.017.460

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	1/1/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		82.097.035.490	56.833.506.062
Nợ ngắn hạn	310		82.097.035.490	56.833.506.062
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	38.570.234.391	24.547.257.650
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	7.226.085.759	8.944.265.004
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	14.981.864.434	12.460.391.991
Phải trả người lao động	314		-	1.373.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	7.981.265.169
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.297.105.658	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		4.383.680.981	15.209.449
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.638.064.267	1.512.116.799
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	283.132.892.746	261.701.511.398
Vốn chủ sở hữu	410	5.11	283.132.892.746
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-
Cổ phiếu quỹ (*)	415	(8.512.574.110)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	91.645.466.856	61.701.511.398
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	41.501.511.401	15.555.472.260
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	50.143.955.455	46.146.039.138
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
Nguồn kinh phí	432		-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	365.229.928.236	318.535.017.460

Hà Nội, Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Hồ Thanh Ngân


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Vũ Thị Nga




TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2019	Lũy kế đến 31/12/2019	Quý IV/2018	Lũy kế đến 31/12/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	123.719.393.055	451.083.393.533	173.830.060.155	431.672.709.903
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	123.719.393.055	451.083.393.533	173.830.060.155	431.672.709.903
Giá vốn hàng bán	11	6.2	107.470.575.623	368.690.398.741	147.424.146.975	346.953.691.068
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.248.817.432	82.392.994.792	26.405.913.180	84.719.018.835
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.869.707.626	7.874.875.415	339.329.919	4.472.579.452
Chi phí tài chính	22		-	2.227.455	43.988	28.524.227
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	2.227.455	-	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	767.726.376	2.938.257.481	28.856.942	8.223.596.797
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.591.463.547	24.387.596.184	5.062.894.040	22.775.555.551
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.759.335.135	62.939.789.087	21.653.448.129	58.163.921.712
Thu nhập khác	31		999.501.758	1.030.264.586	34.535.638	597.463.086
Chi phí khác	32		785.178.032	1.712.375.616	142.590.659	824.920.580
Lợi nhuận khác	40		214.323.726	(682.111.030)	(108.055.021)	(227.457.494)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.973.658.861	62.257.678.057	21.545.393.108	57.936.464.218
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	1.757.811.885	12.113.722.602	4.348.172.771	11.790.425.080
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.215.846.977	50.143.955.455	17.197.220.338	46.146.039.138

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Ngân

Nguyễn Thanh Ngân

Vũ Thị Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hữu Đông

Báo cáo tài chính riêng này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	62.257.678.057	57.936.464.218
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.496.848.750	1.392.775.654
- Các khoản dự phòng	03	1.499.333.523	435.721.822
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.604.192.281)	(4.472.579.452)
- Chi phí lãi vay	06	2.227.455	28.480.239
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.651.895.504	55.320.862.481
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.207.986.755)	(43.953.294.960)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	22.751.775.078	(18.894.635.537)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	21.713.716.047	7.998.904.927
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	606.102.659	461.634.124
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.227.455)	(28.480.239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.689.856.689)	(5.629.104.705)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(200.000.000)	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.623.418.389	(4.924.113.909)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.074.080.059)	(707.558.855)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	909.090.909	1.518.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.300.000.000)	(28.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.000.000.000	32.300.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(53.500.000.000)	(27.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.250.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.405.551.787	4.871.685.007
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.309.437.363)	(17.317.873.848)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(8.512.574.110)	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.451.823.596	21.483.646.489
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.451.823.596)	(21.483.646.489)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.512.574.110)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.254.895.940	25.496.883.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	18.056.302.856	3.254.895.940

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU


Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC


TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 17 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các công ty con của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con:		
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	84.857%	84.857%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	90.00%	90.00%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	95.00%	95.00%

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 47/4/6 đường số 2, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 1, Trung tâm thương mại Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý IV năm 2019

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng. này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng. cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ. tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính. giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ. các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng, theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 – 06 năm

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng, theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất. kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất. kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành. cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên. nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%. nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn. lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ. các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng. dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi. lãi tiền cho vay. lãi chênh lệch tỷ giá. và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi. lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích. được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: nhượng bán. thanh lý tài sản cố định; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; ...

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ. nếu có. bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu. tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền. các khoản tương đương tiền. các khoản phải thu khách hàng. phải thu khác. các khoản ký quỹ. các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu. công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.19. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng, vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	586.359.138	2.557.740.056
Tiền gửi ngân hàng (i)	3.182.543.718	697.155.884
Các khoản tương đương tiền	14.287.400.000	
Cộng	18.056.302.856	3.254.895.940

(ii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		
Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở		2.275.350.225
Tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		702.696.359
Tại các NH khác		204.497.134
Cộng		3.182.543.718

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.300.000.000	13.300.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	13.300.000.000	13.300.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	114.900.000.000	-	(*) 61.400.000.000	- (*)
Công ty TNHH HVC Hưng Yên (i)	59.400.000.000	-	(*) 59.400.000.000	- (*)
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (ii)	27.000.000.000		(*) 2.000.000.000	- (*)
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park (iii)	28.500.000.000		(*) -	- (*)
Đầu tư khác vào công ty khác	-	-	(*) 25.000.000.000	- (*)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Vạn Phúc (iii)	-	-	(*) 25.000.000.000	- (*)
Cộng	114.900.000.000	-	(*) 86.400.000.000	- (*)

(i) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11/01/2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 18/06/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 18/06/2019 là 70.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 84.86% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.

(ii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108433496 ngày 14/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 90% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng.

(iii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108761458 ngày 29 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 95% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH thiết bị vui chơi giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính. Bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-
Các khách hàng độc lập	114.998.303.848	108.134.886.242
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm	33.617.508.265	-
- Công ty cổ phần bể bơi thông minh Spool	16.662.667.500	-
- Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	14.805.467.288	12.055.883.018
- Công ty CP Phát triển địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	48.331.651.139
- Công ty TNHH Việt nam Grand Prix	6.855.146.852	-
- Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường (ALMA)	5.407.432.617	-
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Vinpearl	4.980.641.347	-
- Các khách hàng khác	23.069.439.979	47.747.352.085
Cộng	114.998.303.848	108.134.886.242

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Công ty cổ phần bể bơi thông minh SPOOL	924.447.314	-
- Công ty CP Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta V	558.234.375	-
- Công ty TNHH FLUIDRA Việt Nam	354.119.957	-
- Các nhà cung cấp khác	4.674.656.760	4.712.656.769
Cộng	6.511.458.406	4.712.656.769

5.5 Phải thu khác**Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	10.717.505.317	-	2.630.054.478	-
Ký cược, ký quỹ	5.754.342.183	-	451.560.992	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.399.188	-	3.389.007	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5.459.222.995	-	244.871.985	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	291.720.000	-	203.300.000	-
Phải thu khác	9.485.509.614	-	145.374.690	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	<i>9.344.697.731</i>	<i>-</i>	<i>110.821.700</i>	<i>-</i>
- Công Ty TNHH HVC Hưng Yên	4.193.258.639		110.821.700	
- Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	5.151.439.092	-	-	-
- Công Ty TNHH Tổng Thầu Cơ Điện HVC	-	-	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên độc lập</i>	<i>140.811.883</i>	<i>-</i>	<i>34.552.990</i>	<i>-</i>
- Phải thu khác	140.811.883	-	34.552.990	-
Cộng	25.957.357.114	-	3.226.990.160	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.824.905.223	2.810.084.306	771.056.635	0
Từ 3 năm trở lên	-	-	511.813.091	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà</i>		-	154.253.091	-
<i>Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương</i>		-	282.800.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO</i>		-	74.760.000	-
Từ 2 đến dưới 3 năm	201.047.892	60.314.368	259.243.544	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyễn Xanh</i>	75.637.210	22.691.163	75.637.210
<i>Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương</i>	13.975.400	4.192.620	13.975.400
<i>Công ty TNHH Linh Chi</i>	-	-	58.195.652
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư DHC</i>	79.437.673	23.831.302	79.437.673
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính</i>	31.997.609	9.599.282,70	31.997.609
Dưới 2 năm	4.623.857.331	2.749.769.939	
<i>'Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Hà</i>	2.510.307.528	1.255.153.764	
<i>Công ty TNHH XD công nghiệp OLYMPIA</i>	2.113.549.803	1.494.616.175	
Cộng	4.824.905.223	2.810.084.306	771.056.635

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Số đầu năm	641.434.863	516.268.874
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.914.296.972	125.165.989
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	540.910.917	-
Số cuối năm	2.014.820.918	641.434.863

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	19.159.345.605	312.675.200	3.979.509.764	23.451.530.569
Mua trong năm	8.947.080.059	127.000.000	-	9.074.080.059
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.060.983.102)	(2.060.983.102)
Số dư cuối năm	28.106.425.664	439.675.200	1.918.526.662	30.464.627.526
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	1.595.302.486	234.987.884	1.403.222.055	3.233.512.426
Khấu hao trong năm	646.613.580	358.732.142	491.503.028	1.496.848.750
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(915.933.248)	(915.933.248)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

Số dư cuối năm	2.241.916.066	593.720.027	978.791.835	3.814.427.928
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	17.564.043.119	77.687.316	2.576.287.709	20.218.018.143
Tại ngày cuối năm	25.864.509.598	154.044.827	939.734.827	26.650.199.598

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH đầu tư và thương mại Gia Vinh	5.469.800.741	5.469.800.741	53.000.004	53.000.004
- Công ty cổ phần tập đoàn Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	-	-
- Công ty CP thương mại vật liệu điện Nam Hà Nội	2.397.024.635	2.397.024.635	1.130.442.493	1.130.442.493
- Các nhà cung cấp khác	26.686.531.229	26.686.531.229	23363815153	23363815153
Tổng	38.570.234.391	38.570.234.391	24.547.257.650	24.547.257.650

5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Công ty CP Đầu tư An Lạc	5.447.510.194	-
- Công ty CP Phát triển thành phố Xanh	1.451.210.824	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển công nghệ DIC	140.000.000	-
- Các khách hàng khác	187.364.741	8.944.265.004
Cộng	7.226.085.759	8.944.265.004

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**Các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	2.791.751.608	2.791.751.608	3.519.330.782	3.519.330.782
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.113.722.602	12.113.722.602	8.689.856.689	8.689.856.689
- Thuế thu nhập cá nhân	76.390.224	76.390.224	251.204.520	251.204.520
Cộng	14.981.864.434	14.981.864.434	12.460.391.991	12.460.391.991

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.519.330.782	11.441.517.259	(12.169.096.435)	2.791.751.606
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	6.141.921.782	(6.141.921.782)	-
- Thuế nhập khẩu	-	1.668.014.035	(1.668.014.035)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.689.856.689	12.113.722.602	(8.689.856.689)	12.113.722.602
- Thuế thu nhập cá nhân	251.204.520	1.138.088.184	(1.312.902.478)	76.390.226
- Các loại thuế khác	-	523.933.014	(523.933.014)	-
- Cộng	12.460.391.991	33.027.196.876	(30.505.724.433)	14.981.864.434

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.11 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
01/01/2018	200.000.000.000	-	15.755.472.260	215.755.472.260
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	46.146.039.138	46.146.039.138
- Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban KS	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
31/12/2018	200.000.000.000	-	61.701.511.398	261.701.511.398
01/01/2019	200.000.000.000	-	61.701.511.398	261.701.511.398
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	50.143.955.458	50.143.955.458
- Chi trả cổ tức năm 2018	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(8.512.574.110)	-	(8.512.574.110)
- Thù lao HĐQT và BKS	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
31/12/2019	200.000.000.000	(8.512.574.110)	91.645.466.856	283.132.892.746

Cổ phiếu

	31/12/2019 (Cổ phiếu)	01/01/2019 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

	31/12/2019 (Cổ phiếu)	01/01/2019 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.000.000.000	-

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2018 (VND)
Tổng doanh thu	123.719.393.055	451.083.393.533	173.830.060.155	431.672.709.903
Doanh thu bán hàng hóa	29.586.747.255	108.610.623.997	50.334.935.401	132.265.948.273
Doanh thu thi công lắp đặt công trình	94.126.645.800	342.466.769.536	122.390.146.480	298.301.783.356
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.000.000	6.000.000	1.104.978.274	1.104.978.274
Doanh thu thuần	123.719.393.055	451.083.393.533	173.830.060.155	431.672.709.903

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2018 (VND)
Giá vốn bán hàng hóa	27.988.872.696	104.571.848.975	49.068.058.964	126.803.122.919
Giá vốn thi công lắp đặt công trình	79.481.702.927	264.118.549.766	98.356.088.011	220.150.568.143
Giá vốn cung cấp dịch vụ				
Cộng	107.470.575.623	368.690.398.741	147.424.146.975	346.953.691.068

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2018 (VND)
- Lãi tiền gửi	698.998.395	2.405.551.787	339.329.919	1.451.936.094
- Lãi từ thanh lý khoản đầu tư		1.250.000.000	-	3.000.000.000
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá	13.890.208	34.724.189		-
- Lãi từ chia cổ tức	4.184.599.439	4.184.599.439		
Cộng	4.869.707.626	7.874.875.415	339.329.919	4.451.936.094

6.4. Chi phí bán hàng

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2018 (VND)
- Chi phí vật liệu bao bì			12.663.200	12.663.200
- Chi phí bảo hành	136.055.840	783.146.361	164.940.669	703.730.215
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	440.307.460	1.293.111.119	854.846.254	3.736.337.763
- Chi phí bằng tiền khác	95.600.000	862.000.000	1.023.245.386	3.770.865.619
Cộng	671.963.300	2.939.257.480	2.055.695.609	8.223.596.797

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2018 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	4.233.767.055	15.491.464.428	2.499.511.969	12.862.009.723
- Chi phí đồ dùng quản lý	-		2.939.648	2.939.648
- Chi phí khấu hao TSCĐ	622.691.700	2.538.181.316	1.202.051.767	2.160.065.392
- Thuế, phí và lệ phí	52.447.590	267.998.728	124.691.313	266.955.727
- Hoàn nhập/trích lập dự phòng	1.402.483.881	1.373.386.055	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý IV năm 2019

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2018 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.021.682.597	3.975.935.117	584.418.618	4.058.273.044
- Chi phí bằng tiền khác	121.888.888	740.630.540	472.744.674	3.425.312.017
Cộng	7.454.961.711	24.387.596.184	4.886.357.716	22.775.555.551

6.6. Chi phí khác

	Quý IV năm 2019 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2019 (VND)	Quý IV năm 2018 (VND)	Lũy kế đến 31/12/2018 (VND)
- Lỗ thanh lý tài sản cố định				-
- Phạt vi phạm tại công trường, tiện ích			39.000.000	283.624.000
- Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	2.371.856	88.879.156	9.006.281	61.843.928
- Chi phí khác	27.715.267	1.623.496.460	72.263.596	479.452.652
Cộng	263.900.714	1.712.375.616	120.269.877	824.920.580

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	31/12/2019 (VND)	31/12/2018(VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.113.722.602	11.762.276.510
Cộng	12.113.722.602	11.762.276.510

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hồ Thanh Ngân

Vũ Thị Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hữu Đông